CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Sông Đà 7.02

Ngày 30/09/2025	7,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	1.4%	**1.4%**	**1.4%**

DT thuần
Q3/25
11.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▼3.40| -23.0%
YoY: ▼1.70| -12.9%

LN thuần
Q3/25
3.07
tỷ VNĐ
QoQ: ▼4.15| -57.5%
YoY: ▼1.56| -33.8%

LN sau thuế
Q3/25
2.91
tỷ VNĐ
QoQ: ▼4.08| -58.4%
YoY: ▼1.72| -37.2%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
37.6%
YoY: +/-▼ 21.0%

ROE (TTM)
Q3/25
4.5%
YoY: +/-▼ 1.6%

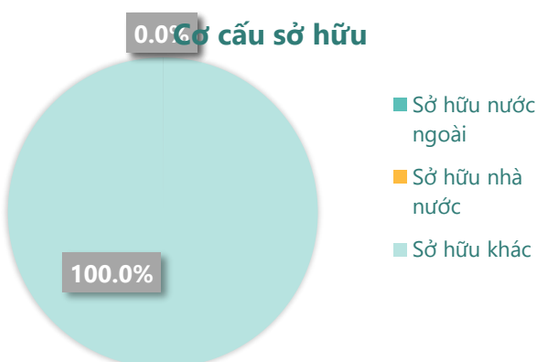
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	5,100 - 7,300
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	84
Số lượng CPLH (CP)	12,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	305
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.01
EPS	469
P/E	14.9

DT thuần
9T 2025
29.6
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.80| -2.8%

LN thuần
9T 2025
7.67
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.14| 1.8%

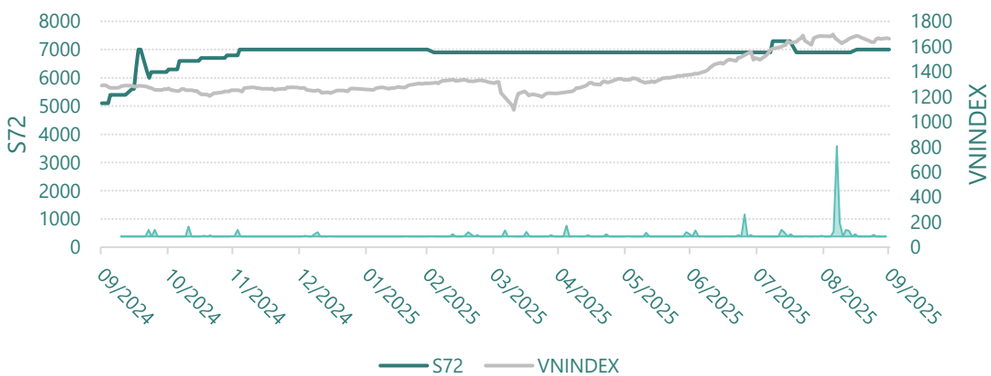
LN sau thuế
9T 2025
7.28
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.25| -3.3%

Cơ cấu sở hữu

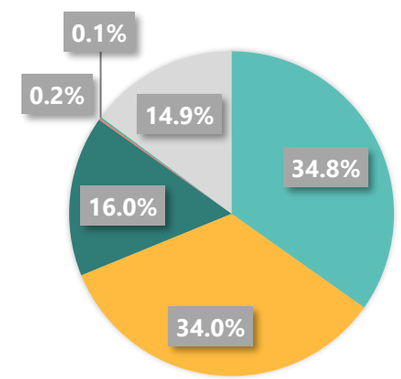


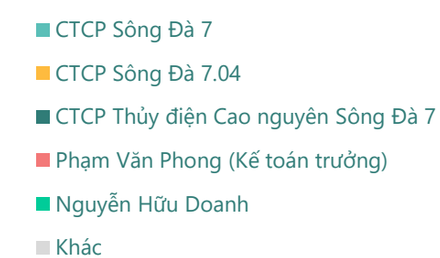
(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

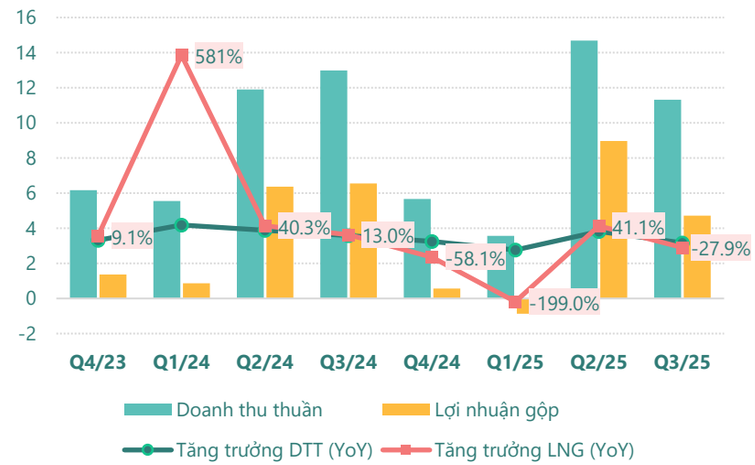




(Nguồn: fireant.vn)

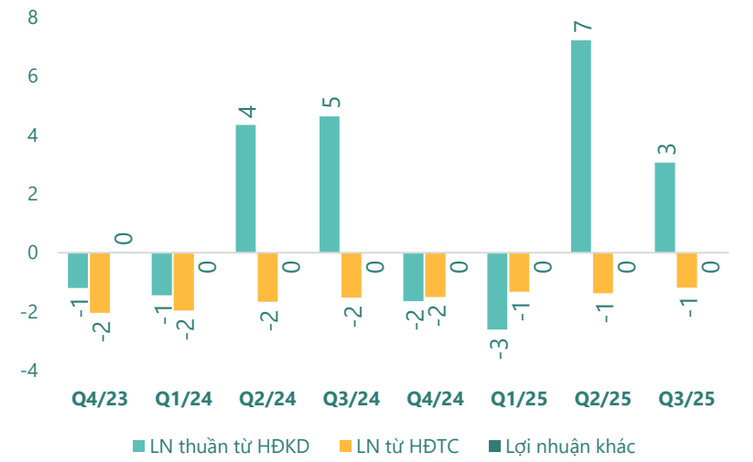
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



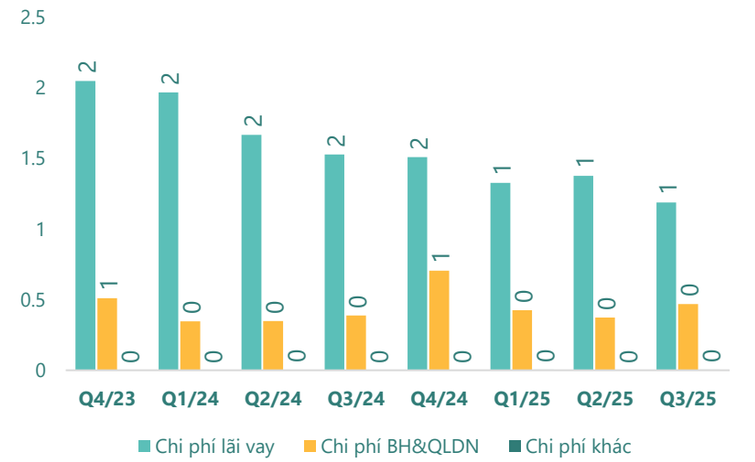
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



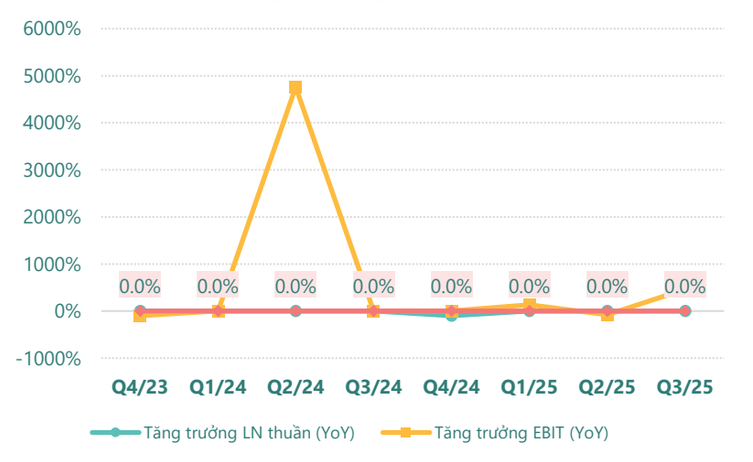
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



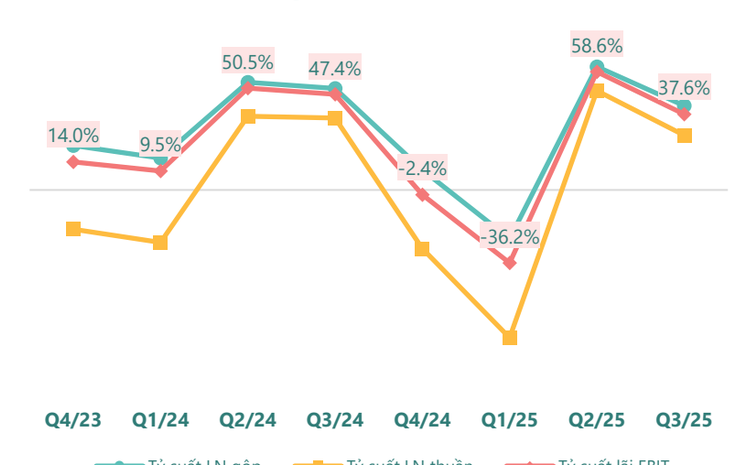
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



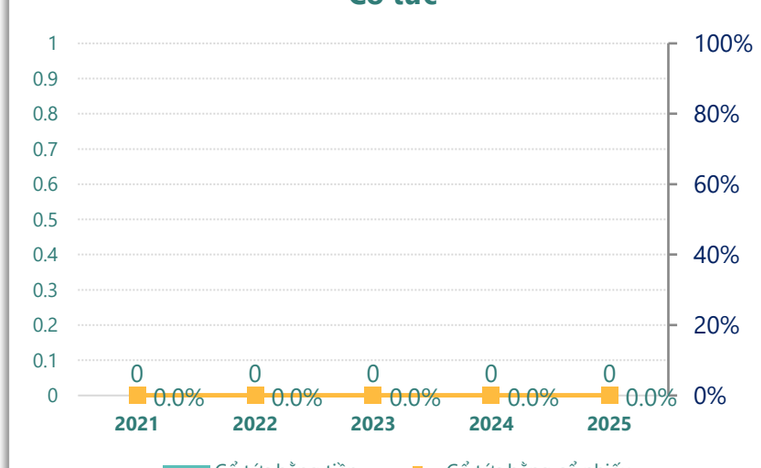
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

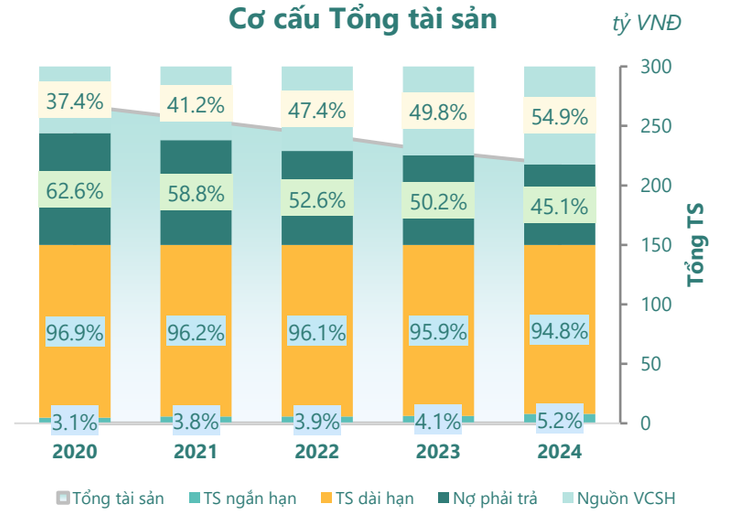
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

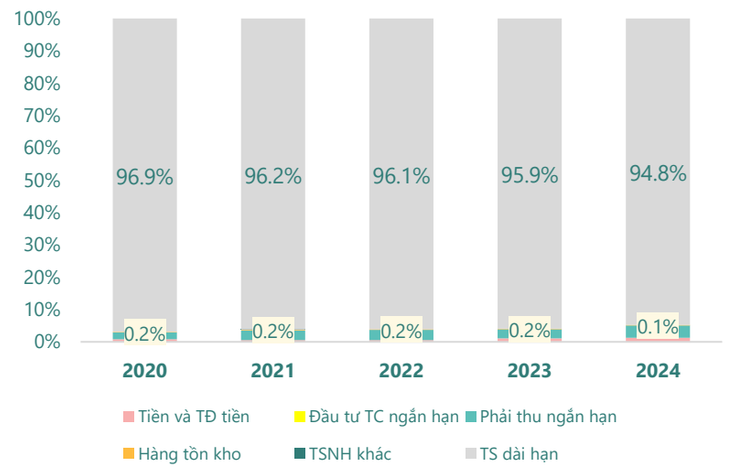
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



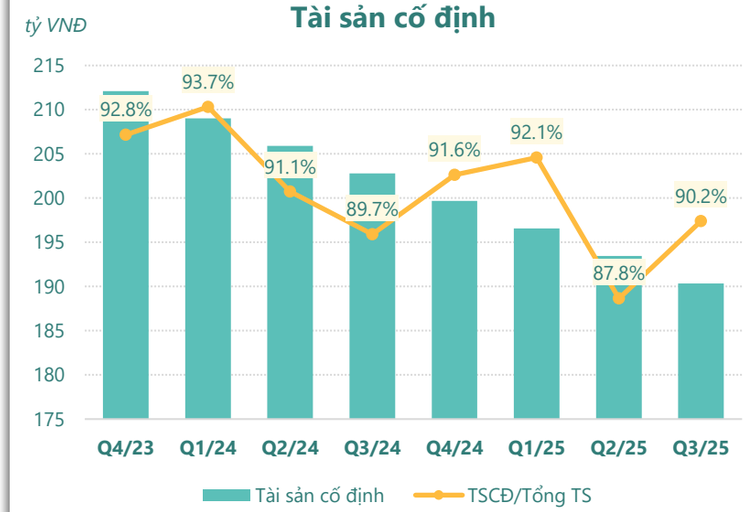
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



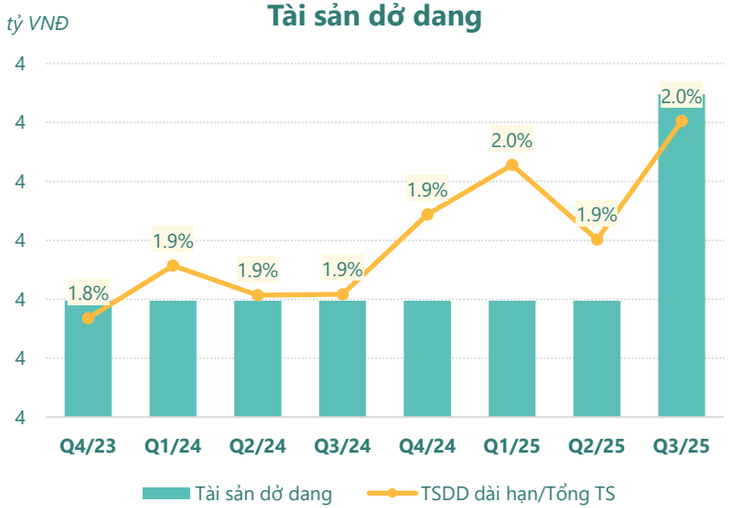
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



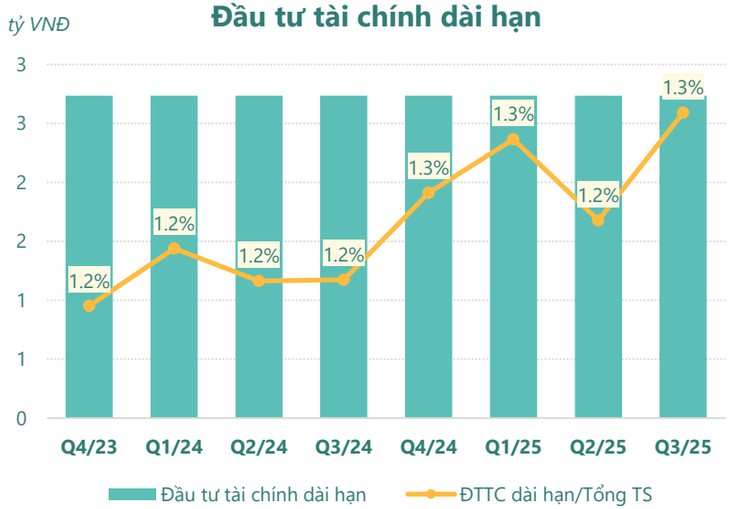
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



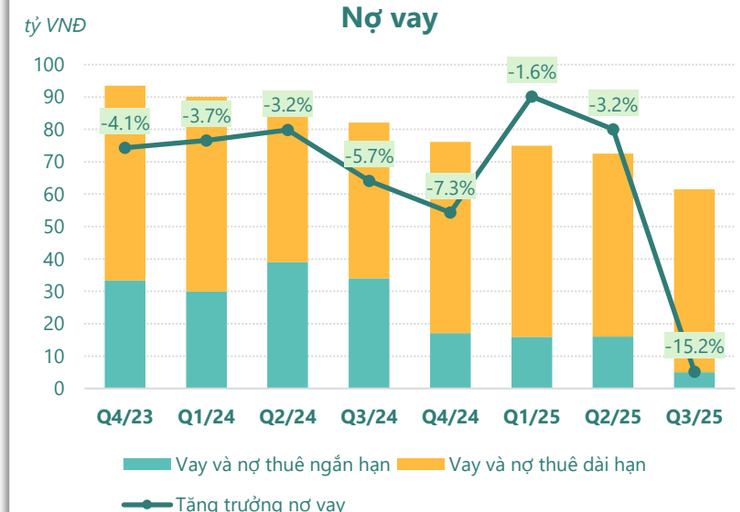
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

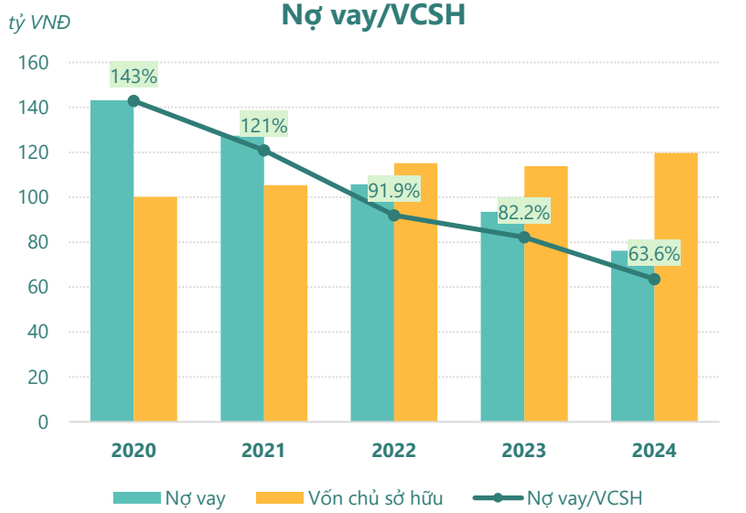
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

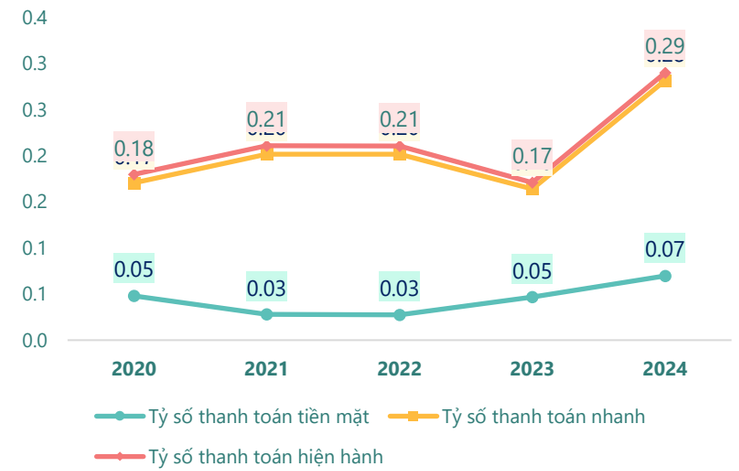
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



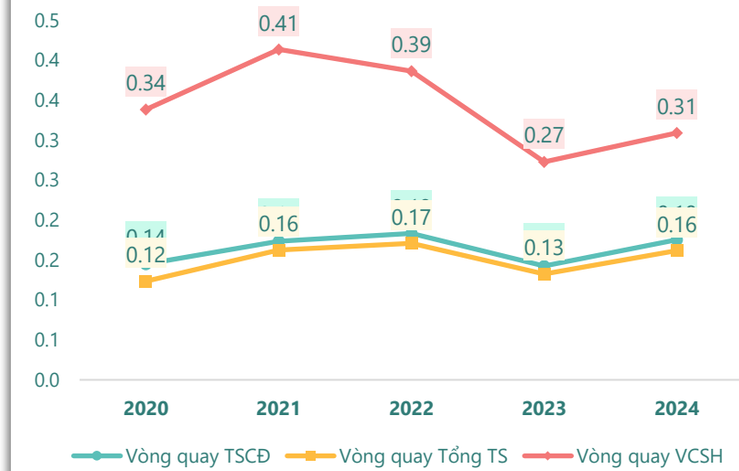
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



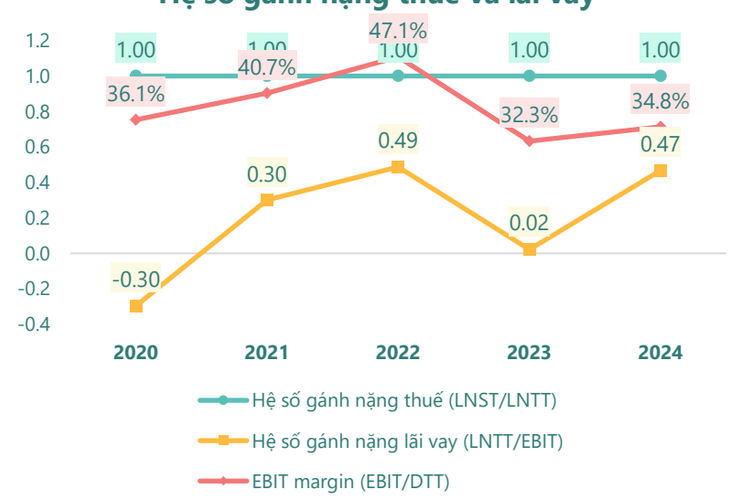
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



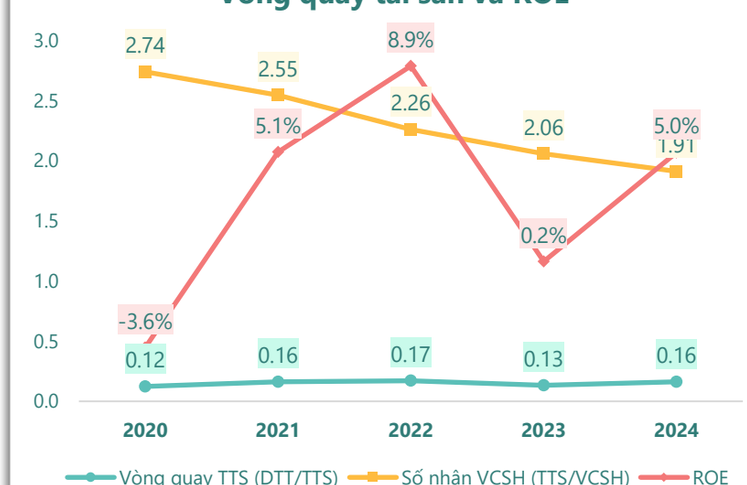
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



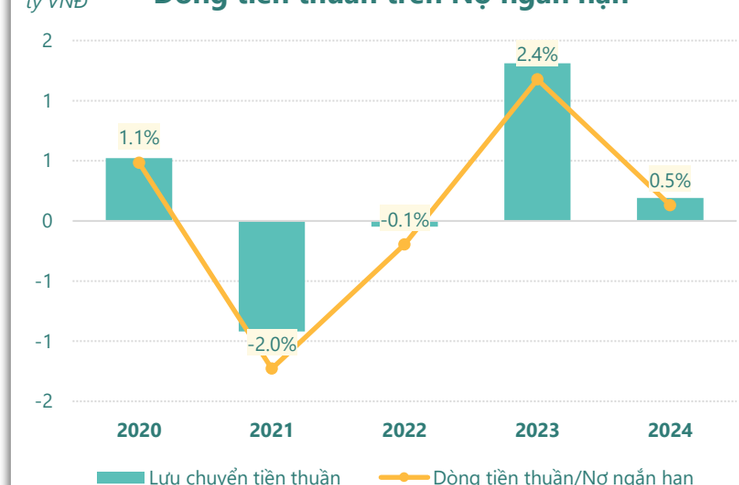
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**11.3**	**13.0**	**-12.9%**	**29.6**	**30.4**	**-2.8%**
Giá vốn hàng bán	6.59	6.44	2.4%	16.7	16.7	0.5%
Lợi nhuận gộp	4.72	6.55	-27.9%	12.8	13.8	-6.9%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00		0.00	0.00	-18.4%
Chi phí TC	1.19	1.53	-22.3%	3.90	5.17	-24.6%
Chi phí lãi vay	1.19	1.53	-22.3%	3.90	5.17	-24.6%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**0.47**	**0.39**	**20.3%**	**1.27**	**1.08**	**17.0%**
LN thuần từ HĐKD	3.07	4.63	-33.8%	7.67	7.53	1.8%
Lợi nhuận khác	**-0.01**	**0.00**		**-0.01**	**-0.01**	**-87.6%**
LN trước thuế	3.06	4.63	-33.9%	7.66	7.53	1.8%
Lợi nhuận sau thuế	**2.91**	**4.63**	**-37.2%**	**7.28**	**7.53**	**-3.3%**
LNST của CĐ cty mẹ	**2.91**	**4.63**	**-37.2%**	**7.28**	**7.53**	**-3.3%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	2.81	11.0	1.69	0.15	5.81	9.06
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-2.90	-5.00	-6.00	-1.20	-2.40	-11.0
Tiền đầu kỳ	1.12	1.03	7.05	2.74	1.68	5.09
Lưu chuyển tiền thuần	**-0.09**	**6.02**	**-4.31**	**-1.05**	**3.41**	**-1.94**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1.03	7.05	2.74	1.68	5.09	3.15

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**211**	**218**	**-3.1%**
Tài sản ngắn hạn	11.2	11.4	-1.6%
Tiền và tương đương tiền	3.15	2.74	15.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	7.57	8.32	-9.1%
Hàng tồn kho	0.33	0.33	0.0%
Tài sản ngắn hạn khác	0.17	0	
Tài sản dài hạn	**200**	**207**	**-3.2%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	190	200	-4.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	4.22	4.19	0.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	2.74	2.74	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**2.62**	**0.00**	**100749%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	84.2	98.3	-14.4%
Nợ ngắn hạn	**27.6**	**39.3**	**-29.6%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	5.00	17.1	-70.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	5.96	5.93	0.4%
Nợ dài hạn	56.5	59.0	-4.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	56.5	59.0	-4.2%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**127**	**120**	**6.1%**
Vốn chủ sở hữu	**127**	**120**	**6.1%**
Vốn điều lệ	120	120	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)